TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 400/2021/DS-ST
Ngày: 10/6/2021.
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nhàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Ngọc Hằng.

2. Bà Lê Thị Xuân Mai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Dương là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên toà:* Bà Đỗ Thị Thu Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2021 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 956/2020/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2021/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 116/2021/QĐST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần AC.

Trụ sở: Đường K, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Huỳnh Trúc M, địa chỉ: Lầu N, tòa nhà B Tower số A, Phường U, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo uỷ quyền (Giấy uỷ quyền số 532/UQ-QLN.20 ngày 18/6/2020). Bà M có đơn xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Trí Anh Q, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Đường N, Phường S, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Q vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/6/2020 và trong quá trình tham gia tố tụng giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng TMCP AC (gọi tắt AC) có bà Huỳnh Trúc M trình bày như sau: Ngân hàng TMCP AC – Phòng giao dịch Maximark Cộng Hòa và ông Nguyễn Trí Anh Q có ký hợp đồng tín dụng trả góp (dùng cho vay tiêu dùng tín chấp - VND) số MCH.CN.650.081215 (Số tài khoản vay: 207905609) ngày 08/12/2015 có nội dung như sau: Số tiền vay 185.000.000 đồng, phương thức giải ngân chuyển toàn bộ số tiền vay vào tài khoản tiền gửi số 207905329 của ông Q tại AC, thời hạn vay 60 tháng, kể từ ngày bên được cấp tín dụng nhận tiền vay từ ngày 08/12/2015 đến ngày 08/12/2020, mục đích vay UIL – Tiêu dùng tín chấp – Hỗ trợ tiêu dùng – Tiêu dùng, lãi suất trong hạn 11%/năm tính theo số tiền vay ban đầu, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Số tiền phạt của mỗi kỳ trễ hạn là 200.000 đồng/kỳ trễ hạn. Sau khi ông Q nhận đủ số tiền vay, thì ông Q phải thanh toán cho AC theo thông báo lịch trả nợ ngày 08/12/2015 như sau: Trả hàng tháng số tiền 4.779.000 đồng bao gồm gốc và lãi cho AC đúng vào ngày 08. Trả số tiền 4.789.000 đồng bao gồm gốc và lãi tháng cuối vào ngày 08/12/2020. Trong quá trình thanh toán nợ vay, ông Q đã thanh toán cho AC đầy đủ nhưng đến tháng 02/2019 thì ông Q không thanh toán và sau đó có thanh toán trễ cho AC như sau: Ngày 21/03/2019 trả số tiền 5.307.400 đồng, ngày 17/04/2019 trả gốc và lãi số tiền 9.029.600 đồng, ngày 18/06/2019 trả số tiền 3.311.000 đồng, ngày 26/06/2019 trả số tiền 1.000.000 đồng nhưng vẫn chưa thanh toán đủ các kỳ còn thiếu là ông Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho AC. Trong quá trình trả nợ vay thì ông Q trả cho AC tổng số tiền là 196.671.000 đồng bao gồm: Gốc 127.637.640 đồng và lãi 69.033.360 đồng theo bản sao kê giao dịch tài khoản vay số 207905609. Do ông Q vi pham nghĩa vụ trả nợ nên ngày 23/4/2020, AC đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ nợ vay còn lại chưa thanh toán của hợp đồng tín dụng trả góp số MCH.CN.650.081215 ngày 08/12/2015 là sau 30 ngày, nếu ông Q không trả hết nợ thì AC sẽ chuyển toàn bộ số dư nợ gốc còn lại của khoản vay số 207905609 sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất bằng 150% lãi suất trong hạn là 16.5%/năm. Ông Q vi phạm nghĩa vụ trả nên AC khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Q phải trả 1 lần khi bản án có hiệu lực pháp luật cho AC tạm tính đến ngày 05/4/2021 gồm: Nợ gốc 57.362.360 đồng, lãi trong hạn tính từ ngày 08/4/2019 đến ngày 23/5/2020 số tiền 22.893.759 đồng, lãi quá hạn tính từ ngày 24/5/2020 tạm tính đến ngày 05/4/2021 số tiền 8.334.273 đồng, phạt chậm trả số tiền 2.600.000 đồng, tổng cộng số tiền 91.190.392 đồng.

Ngoài ra, Q còn phải tiếp tục trả lãi quá hạn phát sinh trên số nợ gốc theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng trả góp số MCH.CN.650.081215 ngày 08/12/2015 cho đến khi trả hết nợ cho AC . Đây là khoản vay cá nhân của ông Q , AC không biết vợ của ông Q và không yêu cầu Tòa án phải đưa vợ của Quân cùng có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn ông Q không đến Tòa và cũng không có văn bản gởi đến Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của AC .

Tại phiên Tòa: Xét đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 09/6/2021 của bà M là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn AC yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

AC rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông Q trả số tiền 2.600.000 đồng phạt chậm thanh toán.

Buộc ông Q trả tổng số tiền 90.325.603 đồng cho AC theo hợp đồng tín dụng trả góp số MCH.CN.650.081215 ngày 08/12/2015 bao gồm: Nợ gốc 57.362.360 đồng, lãi trong hạn tính từ ngày 08/4/2019 đến ngày 23/5/2020 số tiền 22.893.759 đồng, lãi quá hạn tính từ ngày 24/5/2020 tính đến ngày 10/6/2021 số tiền 10.069.484 đồng. Từ ngày 11/6/2021, ông Q phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán hết nợ cho AC theo mức lãi suất quá hạn của hợp đồng tín dụng trả góp nêu trên.

Bị đơn ông Q vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án theo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án thì đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu khởi kiện của AC buộc bị đơn Quân trả số tiền 2.600.000 đồng phạt do chậm thanh toán và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của AC .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP AC khởi kiện ông Q trả số tiền vay còn thiếu phát sinh tranh chấp từ hợp đồng tín dụng trả góp

ngày 08/12/2015 được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại khoản 11.3 Điều 11 của hợp đồng tín dụng trả góp số MCH.CN.650.081215 ngày 08/12/2015 giữa AC với ông Q thỏa thuận như sau: " *Trong quá trình thực hiện hợp đồng này, nếu có tranh chấp, thì tranh chấp sẽ do Tòa án nhân dân nơi AC có trụ sở chính giải quyết*", thì theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần của Ngân hàng TMCP AC có trụ sở chính tại s Đường K, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh thì vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng trả góp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Tại khoản 11.3 Điều 11 của hợp đồng tín dụng trả góp số MCH.CN.650.081215 ngày 08/12/2015 giữa AC và ông Q có thỏa thuận như sau: " *Trường hợp bên được cấp tín dụng vi phạm nghĩa vụ thông báo về sự thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ tạm trú, nơi cư trú mới theo quy định tại Điều 10 hợp đồng này và/hoặc đã gạch tên khỏi hộ khẩu và/hoặc xuất cảnh quá sáu tháng mà không thông báo địa chỉ, nơi cư trú mới. Bên được cấp tín dụng được xem là dấu địa chỉ nhằn trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Trong trường hợp này, nơi cư trú nêu tại hợp đồng này là nơi cư trú cuối cùng của bên được cấp tín dụng. AC được quyền yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bên được cấp tín dụng chấp nhận việc Tòa xét xử vụ án vắng mặt, kể cả trường hợp không lấy được lời khai của bên được cấp tín dụng.* ", và theo kết quả xác minh của Công an Phường 5, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh như sau: *" Đương sự Nguyễn Trí Anh Q có hộ khẩu thường trú số đường N, Phường S, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh, tự ý bỏ địa phương, đi đâu không rõ*.". Từ những cơ sở này, khi ông Q thay đổi nơi cư trú mới thì có nghĩa vụ thông báo nhưng không thông địa chỉ mới cho chính quyền địa phương, không thông báo cho nguyên đơn AC làm cho AC không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với AC nên Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục chung được quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Bị đơn ông Q đã được Tòa án thông báo Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 196, 208 và Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.5] Đại diện nguyên đơn bà M có đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa nên tiến hành xét xử vắng mặt bà M theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.6] Bị đơn ông Q đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng không có mặt tại phiên tòa nên tiến hành xét xử vắng mặt ông Q theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về các yêu cầu của nguyên đơn, xét:

[2.1] Đối với yêu cầu của AC rút một phần yêu cầu khởi kiện buộc ông Q trả số tiền phạt trễ thanh toán là 2.600.000 đồng. Xét thấy, việc rút yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này của AC. Nếu sau này, AC khởi kiện lại và thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác và AC không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[2.2] Đối với yêu cầu của AC buộc ông Q trả 01 lần, khi án có hiệu luật pháp luật tổng số tiền 90.325.603 đồng cho AC theo hợp đồng tín dụng trả góp số MCH.CN.650.081215 ngày 08/12/2015 bao gồm: Nợ gốc 57.362.360 đồng, lãi trong hạn tính từ ngày 08/4/2019 đến ngày 23/5/2020 số tiền 22.893.759 đồng, lãi quá hạn tính từ ngày 24/5/2020 tính đến ngày 10/6/2021 số tiền 10.069.484 đồng, thì Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[2.2.1] Về nợ gốc:

[2.2.1.1] Căn cứ vào hợp đồng tín dụng trả góp số MCH.CN.650.081215 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP AC–Phòng giao dịch Maximark Cộng Hòa và ông Q ngày 08/12/2015 có nội dung như sau: Bên được cấp tín dụng là ông Q , vay số tiền 185.000.000 đồng, toàn bộ số tiền vay (nợ gốc) được giải ngân một lần ngay khi HĐTD bằng cách chuyển toàn bộ số tiền vay vào tài khoản tiền gửi tại AC chi tiết sau: Tên tài khoản Nguyễn Trí Anh Q, số tài khoản tiền gửi 207905329 thời hạn vay 60 tháng, kể từ ngày bên cấp tín dụng nhận tiền. Mục đích vay UIL- tiêu dùng tín chấp- hỗ trợ tiêu dùng- Tiêu dùng, lãi suất trong hạn là 11%/ năm (tính theo số tiền vay ban đầu), lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn.

[2.2.1.2] Tại khoản 3.1 Điều 3 của hợp đồng tín dụng trả góp số MCH.CN.650.081215 ngày 08/12/2015 quy định về giải ngân và tại phiếu giải ngân chuyển khoản ngày 08/12/2015 do AC nộp có thể hiện như sau: AC đã giải ngân số tiền 185.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số

650.081215 cho người lĩnh là ông Q và ông Q đã nhận được số tiền vay 185.000.000 đồng từ AC .

[2.2.1.3] Tại khoản 4.2 Điều 4 của hợp đồng tín dụng trả góp số MCH.CN.650.081215 ngày 08/12/2015 quy định thanh toán nợ vay như sau: *Kỳ hạn trả nợ hàng tháng hoặc hàng quý, AC có quyền quyết định lựa chọn kỳ hạn trả nợ và thông báo cho bên được cấp tín dụng…",* thì giữa AC và ông Q có thỏa thuận theo thông báo lịch trả nợ vay ngày 08/12/2015 như sau: Ông Q phải thanh toán cho AC số tiền góp bao gồm nợ gốc và lãi đúng vào ngày 08 hàng tháng, số tiền góp hàng tháng 4.779.000 đồng, số tiền góp tháng cuối 4.789.000 đồng vào ngày 08/12/2020. Nếu Q không thanh đúng hạn khi đến kỳ trả nợ thì phải chịu mức phạt số tiền 200.000 đồng được quy định tại khoản 2.3 Điều 2 của hợp đồng tín dụng trả góp số MCH.CN.650.081215 ngày 08/12/2015 quy định về lãi suất - phí, phạt vi phạm. Vì vậy, đối chiếu bản sao kê sao giao dịch tài khoản vay thì thể hiện ngày 08/12/2015 ông Q nhận tiền vay 185.000.000 đồng và bắt đầu thanh toán cho AC từ ngày 04/01/2016 cho đến ngày 26/6/2019 được tổng số tiền gốc 127.637.640 đồng, lãi 67.833.360 đồng, phạt 1.200.000 đồng là không đúng thỏa thuận cam kết. Theo thông báo lịch trả nợ vay thì thời hạn thanh toán tháng cuối ngày 08/12/2020 nhưng ông Q vẫn còn nợ số tiền gốc số tiền 57.362.360 đồng chưa thanh toán là ông Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định tại Điều 471, khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

[2.2.1.4] Vì vậy, từ những căn cứ và theo quy định pháp luật như đã viện dẫn nêu trên thì đã đủ cơ sở xác định ông Q đã được AC cho vay mà vi phạm nghĩa vụ trả nợ không đúng thời hạn nên AC khởi kiện yêu cầu buộc ông Q phải có nghĩa vụ trả số nợ gốc 57.362.360 đồng cho AC là có cơ sở chấp nhận.

[2.2.2] Về nợ lãi:

[2.2.2.1] Theo hợp đồng tín dụng trả góp số MCH.CN.650.081215 ngày 08/12/2015 thì giữa AC và ông Q có thỏa thuận mức lãi suất như sau: Lãi suất trong hạn là 11%/năm (tính theo số tiền vay ban đầu) và lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 quy định như sau: " *Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*.".

[2.2.2.2] Căn cứ tại khoản 5 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay và theo hợp đồng tín dụng trả góp số MCH.CN.650.081215 ngày 08/12/2015 quy định về thu hồi nợ trước hạn tại

khoản 5.1.3 như sau: " *Bên được cấp tín dụng vi phạm hợp đồng tín dụng*" và tại khoản 6.4 Điều 6 quy định chuyển nợ quá hạn và tính lãi quá hạn như sau: " …*Sau 30 ngày kể từ ngày AC thông báo thu hồi nợ trước hạn mà bên được cấp tín dụng không thanh toán đủ nợ vay, toàn bộ dư nợ gốc bị chuyển sang nợ quá hạn và chịu mức lãi suất bằng 150% lãi suất vay trong hạn.",* thì đối chiếu thông báo lịch trả nợ vay ngày 08/12/2015, thông báo thu hồi nợ trước hạn ngày 23/4/2020 và bản sao kê giao dịch tài khoản vay có thể hiện từ ngày 04/01/2016 cho đến ngày 08/01/2019 thì ông Q có trả gốc và lãi cho AC đầy đủ, nhưng đến tháng 2/2019 thì ông Q không trả gốc và lãi. Ngày 21/3/2019, ông Q trả gốc số tiền 5.307.400 đồng, ngày 17/4/2019 trả gốc 3.942.098 và lãi số tiền 5.087.502 đồng, ngày 18/6/2019 trả gốc số tiền 3.311.000 đồng và ngày 26/6/2019 trả gốc số tiền 1.000.000 đồng và sau ngày 26/6/2019 thì ông Q không trả cho AC là ông Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho AC theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng trả góp số MCH.CN.650.081215 ngày 08/12/2015, nên AC đã chuyển toàn bộ dự nợ gốc còn lại số tiền 57.362.360 đồng sang nợ quá hạn tính từ ngày 24/5/2020 là đúng thỏa thuận giữa AC và ông Q đã ký kết. Từ những căn cứ nêu trên nên yêu cầu của AC buộc ông Q phải trả lãi trong hạn tính từ ngày 08/4/2019 tính đến ngày 23/5/2020 với số tiền vay ban đầu 185.000.000 đồng x mức lãi suất 11%/năm x 13 tháng 15 ngày = số tiền là 22.893.759 đồng và lãi quá hạn tính từ ngày 24/5/2020 tính đến ngày 10/6/2021 số nợ gốc 57.362.360 đồng x mức lãi suất 11%/năm x 150% x 383 ngày = số tiền 10.069.484 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì bị đơn Quân phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn AC được chấp nhận số tiền là 4.516.280 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 196, Điều 208, Điều 210, điểm c khoản 1 Điều 217, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471, khoản 1 và khoản 5 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Áp dụng khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng Luật Phí và lệ phí và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Đình chỉ đối với yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần AC buộc ông Nguyễn Trí Anh Q trả số tiền 2.600.000 đồng phạt trễ thanh toán, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

Buộc ông Nguyễn Trí Anh Q có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần AC tổng cộng số tiền là 90.325.603 đồng bao gồm nợ gốc 57.362.360 đồng, lãi trong hạn tính từ ngày 08/4/2019 tính đến ngày 23/5/2020 số tiền 22.893.759 đồng, lãi quá hạn tính từ ngày 24/5/2020 tính đến ngày 10/6/2021 số tiền 10.069.484 đồng của hợp đồng tín dụng trả góp số MCH.CN.650.081215 ngày 08/12/2015. Việc trả tiền được thực hiện một lần, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 11/6/2021, ông Nguyễn Trí Anh Q phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần AC, theo mức lãi suất quá hạn mà các bên thỏa thuận được quy định tại hợp đồng tín dụng trả góp số MCH.CN.650.081215 ngày 08/12/2015 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm là 4.516.280 đồng ông Nguyễn Trí Anh Q cùng phải chịu và nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần AC số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.077.139 đồng theo biên lai thu số 0007981 ngày 15/10/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần AC, ông Nguyễn Trí Anh Q vắng mặt tại phiên Tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊNTÒA

Nơi nhận :
- VKSND Quận 3;
- Chi cục THA Dân sự Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Thanh Nhàn